

PERCEPTION OF FACIAL AESTHETICS IN STANDARDIZED PHOTOS AMONG STUDENTS OF HANOI NATIONAL UNIVERSITY IN 2023

Dinh Thi Yen^{1*}, Pham Nhu Hai¹, Tran Thu Huong¹,
Bui Trung Kien², Nguyen Duc Tuan², Vu Manh Dan³

¹University of Medicine and Pharmacy, Hanoi National University - 144 Xuan Thuy, Dich Vong Hau, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

²Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam

³Thai Binh Provincial General Hospital- 530 Ly Bon, Quang Trung Ward, Thai Binh city, Thai Binh, Vietnam

Received: 20/03/2024

Revised: 20/04/2024; Accepted: 16/05/2024

ABSTRACT

Background: Faces play an important role in human social interactions. An unaesthetic face can affect people's physical, mental, psychosocial and emotional health, causing them to lose their confidence.

Objective: Describe the current status of face perception on standardized images in students of Hanoi National University in 2023.

Method: Cross-sectional descriptive study conducted on 259 students.

Results: Short, straight male faces and straight, average female faces have the highest average scores of 8.25 and 8.61; Long, concave male and female face types have the lowest average scores of 2.09 and 2.52.

Conclusion: Short, straight male faces and straight, average female faces are the most beautiful, concave, long male and female faces are the worst. There is no significant difference in the perception of beauty of facial types between student groups.

Keywords: Perception, Facial profile, Aesthetics, Treatment necessity.

*Corresponding author:

Email address: yendinh1995@gmail.com

Phone number: (+84) 983054902

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1212>



NHẬN THỨC VỀ THẨM MỸ KHUÔN MẶT TRÊN ẢNH CHUẨN HÓA Ở SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2023

Đinh Thị Yên^{1*}, Phạm Như Hải¹, Trần Thu Hương¹,
Bùi Trung Kiên², Nguyễn Đức Tuấn², Vũ Mạnh Dân³

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

³Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình - 530 Lý Bôn, Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/03/2024

Ngày chỉnh sửa: 20/04/2024; Ngày duyệt đăng: 16/05/2024

TÓM TẮT

Tổng quan: Khuôn mặt đóng vai trò quan trọng trong các tương tác xã hội của con người. Một khuôn mặt kém thẩm mỹ có thể ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần, tâm lý xã hội và cảm xúc của con người, khiến họ mất đi sự tự tin của mình.

Mục tiêu: Mô tả thực trạng nhận thức về thẩm mỹ khuôn mặt trên ảnh chuẩn hóa ở sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội năm 2023.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên 259 sinh viên.

Kết quả: Kiểu mặt nam thẳng, ngắn và kiểu mặt nữ thẳng, trung bình có điểm trung bình cao nhất là 8,25 và 8,61; kiểu mặt nam và nữ lõm, dài có điểm trung bình thấp nhất là 2,09 và 2,52.

Kết luận: Kiểu mặt nam thẳng, ngắn và kiểu mặt nữ thẳng, trung bình là đẹp nhất, kiểu mặt nam và nữ lõm, dài xấu nhất. Không có khác biệt đáng kể trong nhận thức về mức độ đẹp các kiểu mặt giữa các nhóm sinh viên.

Từ khóa: Nhận thức, khuôn mặt nghiêng, thẩm mỹ, nhu cầu điều trị.

*Tác giả liên hệ:

Email: yendinh1995@gmail.com

Điện thoại: (+84) 983054902

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1212>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

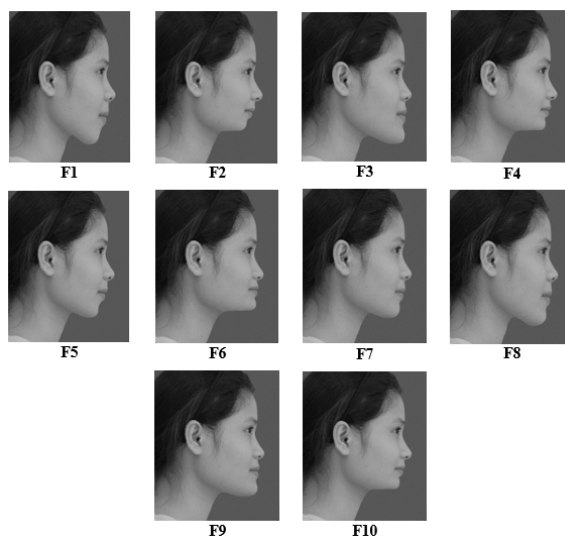
Ngày nay, xã hội hiện đại nhấn mạnh vào sức hấp dẫn hình thể và vẻ đẹp của khuôn mặt [1]. Các nghiên cứu gần đây cho thấy khuôn mặt đóng một vai trò quan trọng trong các tương tác xã hội của con người. Một khuôn mặt kém thẩm mỹ có thể ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần, tâm lý xã hội và cảm xúc của con người, khiến họ mất đi sự tự tin của mình [2]. Do đó, ngày nay mọi người tìm cách điều trị chỉnh nha để đạt được những đường nét thẩm mỹ hài lòng trên khuôn mặt nhưng nhận thức của bệnh nhân về đường nét khuôn mặt hấp dẫn có thể khác nhau và khác với những người có kiến thức chuyên môn [2]. Trên thế giới đã có một số nghiên cứu đánh giá mức độ hấp dẫn của hình dáng khuôn mặt do sự khác biệt về xương theo chiều trước-sau, trong khi những nghiên cứu khác đánh giá mức độ hấp dẫn của sự khác biệt theo chiều dọc. Rất ít nghiên cứu đánh giá mức độ hấp dẫn của sự khác biệt theo chiều dọc và chiều trước sau kết hợp và ở Việt Nam hầu như chưa có nghiên cứu về vấn đề này. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này với mục tiêu: Mô tả thực trạng nhận thức về khuôn mặt trên ảnh chuẩn hóa ở sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên từ 18 – 25 tuổi đang học tại Đại học Quốc Gia Hà Nội (ĐHQGHN) trong thời gian từ 04/2023 – 11/2023.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên là người Việt Nam chưa từng can thiệp phẫu thuật thẩm mỹ, nắn chỉnh răng.

Hình 2.1: Hình ảnh góc khuôn mặt nữ và các kiểu mặt đã được chỉnh sửa. F1: lồi, dài; F2: lồi, ngắn; F3: lõm, dài; F4: thẳng, ngắn; F5: lồi, trung bình; F6: lõm, ngắn; F7: thẳng, trung bình; F8: thẳng, dài; F9: lõm, trung bình; F10: lộn F4



Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng không đồng ý tham gia nghiên cứu

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.1. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu: Nghiên cứu xác định cỡ mẫu dựa theo công thức tính một chỉ số trung bình cho điều tra mô tả cắt ngang:

$$n = \frac{(Z_{\alpha} + Z_{\beta})^2 \cdot \sigma^2}{\delta^2}$$

Theo kết quả nghiên cứu của Abu Arqoub (2011) kiểu mặt nữ thẳng, trung bình có điểm là $3,1 \pm 1,8$. Chọn $\sigma = 1,8$. Theo công thức trên, ta có cỡ mẫu tối thiểu là 136 đối tượng nghiên cứu. Thực tế nghiên cứu được thực hiện trên 259 sinh viên.

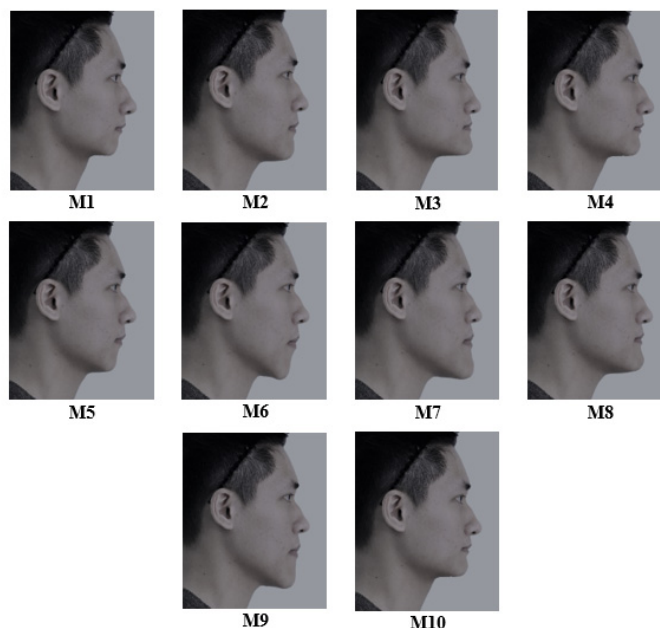
Chọn mẫu: Chọn mẫu ngẫu nhiên các sinh viên năm nhất trường Đại học Y dược- ĐHQGHN, sinh viên năm nhất trường Đại học Khoa học xã hội KHXH và Nhân văn- ĐHQGHN đến theo chương trình khám sức khỏe đầu năm của trường và sinh viên Y5 và Y6 khoa Răng Hàm Mặt (RHM) trường Đại học Y dược- ĐHQGHN

2.2.2. Công cụ thu thập số liệu

Phiếu khảo sát: Chấm điểm từng ảnh của các kiểu mặt. Đối tượng nghiên cứu được hướng dẫn chấm điểm các ảnh khuôn mặt (Hình 2.1,2.2) theo thang điểm 10 theo thứ tự từ ảnh đẹp nhất đến ảnh xấu nhất tương ứng với điểm từ 10 điểm đến 1 điểm, điểm các hình ảnh không trùng lặp nhau.



Hình 2.2: Hình ảnh gốc khuôn mặt nam và các kiểu mặt đã được chỉnh sửa.
M1: lồi, ngắn; M2: thẳng, trung bình; M3: lõm, ngắn; M4: thẳng, ngắn; M5: lồi, trung bình;
M6: lồi, dài; M7: lõm, dài; M8: lõm, trung bình; M9: thẳng, dài, M10: lặp M4



2.2.3. Quy trình thực hiện

Bước 1: Chuẩn bị hình ảnh các kiểu mặt để cho sinh viên chấm điểm

Lựa chọn hai kiểu ảnh mặt nghiêng nam và nữ ban đầu đã được hội đồng chuyên gia chấm điểm khuôn mặt hài hòa là kiểu mặt thẳng, trung bình có tỷ lệ Chiều cao tàng mặt dưới/ Chiều cao mặt trước (LAFH/TAFH) gần bằng 55%. Dùng phần mềm Adobe Photoshop CS6 để điều chỉnh tầng mặt dưới:

+ Theo chiều trước – sau: vị trí của hàm trên và hàm dưới được dịch chuyển 8mm về phía trước và phía sau tạo ra 3 kiểu mặt: thẳng, lồi, lõm.

+ Theo chiều dọc: tăng và giảm 8% để có kiểu mặt dài và ngắn với tỉ lệ LAFH/TAFH tương ứng là 63%, 47% dựa theo Frank Falkensammer và cộng sự [3].

Cuối cùng có 9 kiểu mặt được tạo ra và lập 1 kiểu ảnh để đánh giá độ tin cậy của đối tượng nghiên cứu khi chấm điểm

Bước 2: Sinh viên điền phiếu khảo sát.

Bước 3: Xử lý, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 27 và đưa ra các kết quả, bàn luận.

Nghiên cứu được thực hiện tuân thủ theo các quy định của đạo đức nghiên cứu y sinh học. Mọi thông tin thu thập đều được bảo mật và nhằm mục đích nghiên cứu.

2.3. Phương pháp quản lý và phân tích số liệu: Nhập số liệu sử dụng phần mềm Excel, các số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 27, sử dụng phân tích khác biệt trung bình One-way Anova.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Phân loại các nhóm đối tượng nghiên cứu

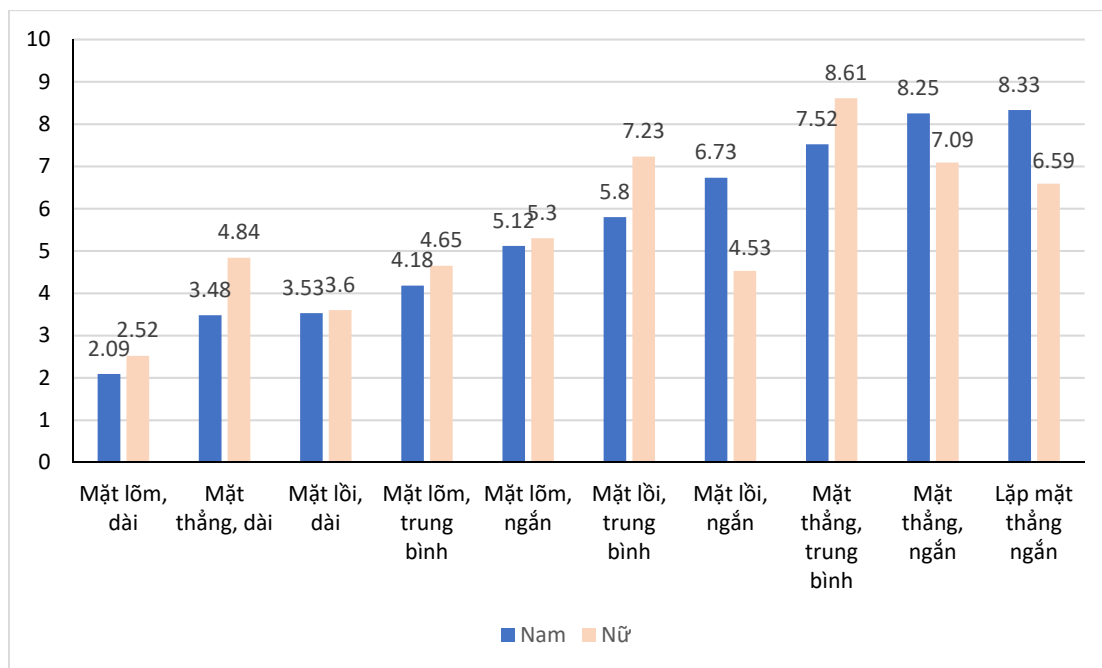
Mã	Nhóm	Tuổi	Giới tính		Tổng
			Nam	Nữ	
Y1	Sinh viên năm nhất trường ĐH Y dược	18	39	71	110
NV	Sinh viên năm nhất trường ĐH Nhân Văn	18	28	52	80
YR	Sinh viên Y5, Y6 RHM trường ĐH Y Dược	22.6	33	36	69
Tổng			100	159	259

Nhận xét: Có 259 sinh viên của Đại học Quốc Gia Hà Nội tham gia nghiên cứu. Trong đó bao gồm sinh viên năm thứ nhất Trường ĐHYD (110 sinh viên), sinh

viên Trường KHXH - Nhân văn (80 sinh viên), và sinh viên Y5, Y6 Răng hàm mặt Trường ĐHYD (69 sinh viên).

3.2. Điểm trung bình của các kiểu khuôn mặt

Biểu đồ 3.2. Điểm trung bình của các kiểu mặt nam, nữ



Nhận xét: Kiểu mặt nam thẳng, ngắn và kiểu mặt nữ thẳng, trung bình và có điểm trung bình cao nhất lần lượt là 8,33 và 8,61. Kiểu mặt nam và nữ lõm, dài có điểm thấp nhất lần lượt là 2,09 và 2,52. Hình ảnh kiểu mặt nam lồi được chấm điểm cao hơn kiểu mặt lõm trong đó kiểu mặt nam lồi, dài có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, dài (3,52>2,09), kiểu mặt lồi, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, ngắn (6,73>5,12), kiểu mặt lồi, trung bình có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, trung bình (5,74>4,16). Hình ảnh kiểu mặt nữ lồi, dài có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, dài (3,59>2,51), kiểu mặt lồi, ngắn có điểm trung bình thấp hơn kiểu mặt lõm, ngắn

(4,53<5,3), kiểu mặt lồi, trung bình có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, trung bình (7,23>4,67). Hình ảnh kiểu mặt nam ngắn được sinh viên chấm điểm cao hơn kiểu mặt dài. Trong đó, kiểu mặt lồi, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lồi, dài (6,73>3,52), kiểu mặt lõm, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, dài (5,12>2,09), kiểu mặt thẳng, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt thẳng, dài (8,25>3,52). Hình ảnh kiểu mặt nữ ngắn được sinh viên chấm điểm cao hơn kiểu mặt dài. Trong đó, kiểu mặt lồi, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lồi, dài (4,53>3,59), kiểu mặt lõm, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt lõm, dài (5,3>2,51), kiểu mặt thẳng, ngắn có điểm trung bình cao hơn kiểu mặt thẳng, dài (7,08>4,86).

3.3. Điểm trung bình các kiểu mặt nam, nữ theo các nhóm sinh viên

Bảng 3.2: Điểm trung bình các kiểu mặt nữ theo các nhóm sinh viên

Khuôn mặt nữ	Y1	NV	YR	p
Lồi, dài	3,68 ± 2,1	3,50 ± 1,9	3,56 ± 1,7	0,898
Lồi, ngắn	4,97 ± 1,8	4,50 ± 1,7	3,72 ± 1,8	0,023*
Lõm, dài	2,62 ± 1,7	2,71 ± 1,9	2,00 ± 1,9	0,226
Thẳng, ngắn	6,94 ± 1,9	7,87 ± 2,0	6,28 ± 2,0	0,005**



Khuôn mặt nữ	Y1	NV	YR	p
Lồi, trung bình	7,54 ± 1,5	6,63 ± 2,3	7,47 ± 2,1	0,088
Lõm, ngắn	5,08 ± 1,8	5,79 ± 2,2	5,00 ± 2,0	0,155
Thẳng, trung bình	8,42 ± 1,6	8,52 ± 2,1	9,11 ± 1,3	0,175
Thẳng, dài	4,80 ± 2,1	4,06 ± 1,7	6,11 ± 1,9	<0,001**
Lõm, trung bình	4,56 ± 2	4,56 ± 1,8	5,06 ± 2,0	0,583
Lặp thẳng, ngắn	6,38 ± 1,9	6,87 ± 2,1	6,69 ± 2,2	0,562

* $p < 0,05$; ** $p < 0,01$

Nhận xét: Kiểu mặt nữ thẳng, trung bình có điểm trung bình cao nhất ở cả 3 nhóm Y1, NV, YR lần lượt là 8.42; 8.52; 9.11. Kiểu mặt nữ lõm, dài có điểm trung bình thấp nhất tương ứng là 2.62; 2.71; 2.0. Không có sự khác biệt đáng kể nào được tìm thấy giữa điểm trung

bình của các nhóm ngoại trừ ảnh nữ lồi, ngắn nhóm Y1 có điểm trung bình cao nhất và ảnh nữ thẳng, ngắn nhóm NV có điểm trung bình cao nhất, kiểu mặt nữ thẳng, dài nhóm YR có điểm trung bình cao nhất ($p < 0,05$).

Bảng 3.3. Điểm trung bình các kiểu mặt nam theo các nhóm sinh viên

Khuôn mặt nam	Y1	NV	YR	p
Lồi, ngắn	6,85 ± 2,1	7,00 ± 2,0	6,36 ± 1,9	0,541
Thẳng, trung bình	7,49 ± 1,7	6,75 ± 1,5	8,33 ± 1,4	0,001**
Lõm, ngắn	5,44 ± 2,2	5,11 ± 2,1	4,76 ± 2,0	0,431
Thẳng, ngắn	8,56 ± 1,8	8,21 ± 2,2	8,34 ± 1,6	0,356
Lồi, trung bình	5,26 ± 2,3	6,18 ± 2,0	5,94 ± 1,6	0,160
Lồi, dài	3,59 ± 2,2	3,75 ± 1,9	3,24 ± 1,8	0,614
Lõm, dài	2,18 ± 1,5	1,93 ± 1,7	2,12 ± 1,4	0,806
Lõm, trung bình	4,05 ± 1,8	4,32 ± 1,8	4,15 ± 2,0	0,852
Thẳng, dài	3,62 ± 2,0	3,61 ± 1,9	3,33 ± 1,8	0,807
Lặp thẳng, ngắn	7,97 ± 1,7	8,14 ± 2,1	8,85 ± 1,8	0,200

** $p < 0,01$

Nhận xét: Kiểu mặt nam thẳng, ngắn có điểm trung bình cao nhất ở cả 3 nhóm Y1, NV, YR lần lượt là 8.56; 8.21; 8.34. Kiểu mặt nam lõm, dài có điểm trung bình thấp nhất tương ứng là 2.18; 1.93; 2.12. Không có sự khác biệt đáng kể nào được tìm thấy giữa các nhóm ngoại trừ kiểu mặt nam thẳng, bình thường nhóm YR có điểm trung bình hơn hai nhóm còn lại ($p < 0,05$).

4. BÀN LUẬN

4.1. Mức độ đẹp các hình ảnh kiểu mặt theo đánh giá của sinh viên

Sinh viên lựa chọn kiểu mặt nam thẳng, ngắn là kiểu mặt đẹp nhất, tiếp theo là kiểu mặt thẳng, trung bình và lựa chọn kiểu mặt nữ thẳng, trung bình là đẹp nhất, tiếp theo là kiểu mặt lồi, trung bình. Ở cả ảnh nam và nữ

kiểu mặt lõm, dài là xấu nhất. Sự ưa thích của người Việt Nam về khuôn mặt thẳng trong nghiên cứu cũng tương tự kết quả các nghiên cứu khác được thực hiện ở phương Tây và châu Á. Một số tác giả đã báo cáo rằng những đối tượng có kiểu mặt thẳng được đánh giá là đẹp hơn những đối tượng có kiểu mặt lồi hoặc lõm như nghiên cứu của Frank Falkensammer và cộng sự (2013) [3], Sarah H. Abu Arqoub và cộng sự (2010) [1], Lina S. Ali (2015) [4], Turkkahraman và Gokalp (2004) [5]; Johnston và cộng sự 2005 [6]. Nghiên cứu của Frank Falkensammer và cộng sự (2013) cũng cho rằng khuôn mặt nam lõm, dài là xấu nhất, tuy nhiên khuôn mặt nữ xấu nhất là lõm, bình thường. Nghiên cứu của Sarah H. Abu Arqoub lại cho rằng khuôn mặt nam và nữ kiểu mặt lồi, dài là xấu nhất.

Đối với kích thước dọc, việc lựa chọn hình ảnh nữ

khuôn mặt trung bình là đẹp nhất tương đồng với nghiên cứu của Frank Falkensammer [3], Johnston và cộng sự 2005 [6]. Tuy nhiên, Sarah H. Abu Arqoub và cộng sự (2010) [1] lại cho rằng với kiểu mặt nữ thẳng, ngắn được cho là kiểu mặt nữ đẹp nhất, tác giả lý giải rằng có thể do những đặc điểm nhỏ bé và mềm mại hơn ở phụ nữ nên kiểu mặt nữ ngắn được ưa thích hơn. Trong nghiên cứu của chúng tôi, hình ảnh nam với kiểu mặt thẳng, ngắn được ưa thích nhất với điểm trung bình cao nhất khác với nghiên cứu của Abu Arqoub và Frank Falkensammer, hai nghiên cứu này đều cho rằng kiểu mặt thẳng, trung bình là đẹp nhất. Sự khác biệt này có thể do cỡ mẫu trong đề tài chúng tôi nhỏ hơn các nghiên cứu trên. Kiểu mặt dài được cho là xấu hơn kiểu mặt ngắn hoàn toàn giống với các nghiên cứu của Sarah H. Abu Arqoub, Johnston (2005). Tuy nhiên, phát hiện này mâu thuẫn với nghiên cứu của Erbay và Caniklioglu (2002) [7], nghiên cứu này chỉ ra rằng kiểu mặt của những người trưởng thành Thổ Nhĩ Kỳ có kiểu mặt dài đẹp hơn kiểu mặt ngắn.

Theo chiều trước sau, kết quả nghiên cứu cho thấy hầu như kiểu mặt lõm được coi là xấu hơn kiểu mặt lồi, ngoại trừ hình ảnh nữ kiểu mặt lồi, ngắn được sinh viên chấm điểm đẹp hơn kiểu mặt lõm ngắn. Nghiên cứu của Frank Falkensammer và cộng sự (2013) [3], cũng cho rằng kiểu mặt lồi đẹp hơn kiểu mặt lõm. Điều này khác với các nghiên cứu của Sarah H. Abu Arqoub (2010), Turkkahraman và Gokalp 2004, và có thể được giải thích bởi tỷ lệ phổ biến cao hơn của mẫu kiểu mặt lõm trong các mẫu nghiên cứu này.

4.2. Mức độ đẹp các hình ảnh kiểu mặt theo các nhóm sinh viên.

Không có sự khác biệt đáng kể nào được tìm thấy trong bảng điểm trung bình về mức độ đẹp hình ảnh kiểu mặt nam và nữ giữa các nhóm. Điều này cho thấy tiêu chuẩn thẩm mỹ khuôn mặt giữa các đối tượng là sinh viên hai năm cuối răng hàm mặt, sinh viên Y năm nhất và sinh viên không liên quan đến ngành Y là tương đương nhau. Tuy nhiên, đối với các kiểu mặt nữ thẳng, bình thường, kiểu mặt nam thẳng, bình thường thì sinh viên nhóm YR cho điểm số cao hơn so với hai nhóm còn lại. Điều này cho thấy có vẻ như sinh viên hai năm cuối răng hàm mặt nhạy bén hơn trong việc quan sát và chấm điểm xếp mức độ đẹp các kiểu mặt.

Kết quả này tương tự nghiên cứu của Amjad Al Taki (2014) [8] cũng kết luận rằng các chuyên gia nha khoa, sinh viên nha khoa và người không chuyên môn về nha khoa có xu hướng nhận thức tương tự về mức độ hấp dẫn khuôn mặt của nam và nữ, tuy nhiên, các bác

sĩ chỉnh nha vẫn cho điểm cao hơn đối với kiểu mặt thẳng hơn là người không chuyên môn, điều này có thể là do ảnh hưởng của nền tảng giáo dục đối với nhận thức họ. Frank Falkensammer cũng cho rằng trình độ học vấn khác nhau của sinh viên răng hàm mặt và sinh viên các nhóm ngành khác không có sự khác biệt đáng kể.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu 259 đối tượng sinh viên từ 18-24 tuổi chúng tôi rút ra kết luận sau:

Kiểu mặt nữ thẳng, trung bình và kiểu mặt nam thẳng, ngắn là hai kiểu mặt đẹp nhất trong khi hình ảnh nam, nữ có kiểu mặt lõm, dài là xấu nhất.

Kiểu mặt ngắn đẹp hơn kiểu mặt dài, kiểu mặt lồi đẹp hơn kiểu mặt lõm ngoại trừ kiểu mặt nữ lồi ngắn được cho là xấu hơn kiểu mặt nữ lõm ngắn.

Sinh viên năm nhất Y được, năm nhất trường Khoa học xã hội và nhân văn, sinh viên 2 năm cuối Răng hàm mặt có nhận thức tương tự nhau về mức độ đẹp khuôn mặt của nam và nữ. Tuy nhiên nhóm sinh viên hai năm cuối Răng hàm mặt có thể phát hiện ra những khác biệt nhỏ giữa các kiểu mặt mức độ lớn hơn các sinh viên nhóm khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abu Arqoub SH, Al-Khateeb SN, Perception of facial profile attractiveness of different antero-posterior and vertical proportions. *Eur J Orthod* 33:103–111, 2011.
- [2] Trehan M, Naqvi ZA, Sharma S, Perception of facial profile: How you feel about yourself. *International Journal of Clinical Pediatric Dentistry*, 4(2), 109, 2011.
- [3] Falkensammer F, Loesch A, Krall C et al., The impact of education on the perception of facial profile aesthetics and treatment need. *Aesthetic plastic surgery*, 38, 2014, 620-631.
- [4] Lina S. Ali, Amal H. Abuaffan, Facial profile preferences, self-awareness and perception among a sample of university students; *General dentist*, 2015. DOI:10.15761/CCRR.1000178
- [5] Türkkahraman H, Gokalp H, Facial profile preferences among various layers of Turkish population. *The Angle Orthodontist*, 74(5), 2004, 640-647.



- [6] Johnston DJ, Orlagh t Hunt, Chris J et al., The influence of lower face vertical proportion on facial attractiveness. *The European Journal of Orthodontics*, 27.4 (2005): 349-354.
- [7] Erbay EF, Caniklioglu CM, Soft tissue profile in Anatolian Turkish adults: Part II. Comparison of different soft tissue analyses in the evaluation of beauty. *American Journal of Orthodontics and Dentofacial Orthopedics* 121: 65–72, 2002.
- [8] Al Taki A., Guidoum A., Facial profile preferences, self-awareness and perception among groups of people in the United Arab Emirates. *Journal of orthodontic science*, 3(2), 2014, 55

